

Số: 10 /TB-BQL

Phúc Sơn, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở để
giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 09 thửa đất có tổng diện tích 944,2 m²
Địa điểm: xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày
27/6/2024;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật nhà ở; Luật Kinh doanh bất động sản; Luật
Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-
CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 172/2024/NĐ-
CP ngày 27/12/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số
01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; số
151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính
quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
Căn cứ Nghị Quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính Phủ
về việc Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất
trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy
định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán
thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài
sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi
phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;
Căn cứ Thông Tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi,
quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người
tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;
Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/04/2025 của Bộ Tư Pháp về
ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán
thông qua đấu giá;
Căn cứ Nghị Quyết Hội đồng nhân dân số 52/2025/NQ-HĐND ngày
26/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về Bảng giá đất

lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan đến đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 06/06/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao 8.233,8 m² đất tại xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức; giao UBND huyện Mỹ Đức thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các khu đồng công Chùa Khoảnh 2; khu Trại chăn nuôi và ruộng chiêm; khu đồng Thanh Lan Rặng Gạo; khu trường mầm non cũ thôn Vĩnh Xương Thượng, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 4730/QĐ-UBND ngày 09/09/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao 16.685,4 m² đất tại xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức cho UBND huyện Mỹ Đức thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Dư, khu Mái Sau thôn Trì và khu Đồng Rỉ - Bờ Và thôn Nội, xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao 5.318,1 m² đất tại xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức cho UBND huyện Mỹ Đức thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Dung Dưới, khu Gò Lá, thôn Phú Hữu; khu Đồng Trai 1, khu Cửa Vồng, thôn Mỹ Tiên, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 26/03/2026 của UBND xã Phúc Sơn về việc huỷ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 05 cá nhân trúng đấu giá 09 thửa đất có tổng diện tích 944,2m² tại xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội phiên đấu giá ngày 23/12/2025;

Thực hiện các Quyết định của UBND xã Phúc Sơn: số 1921/QĐ-UBND ngày 22/04/2026 về việc phê duyệt Phương án đấu giá QSD đất ở để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 09 thửa đất có tổng diện tích 944,2 m² tại xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội; số 945/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá QSD đất ở đối với 09 thửa đất có tổng diện tích 944,2 m² tại xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội; số 957/QĐ-UBND ngày 28/04/2026 việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 09 thửa đất có tổng diện tích 944,2 m² tại xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội.

Ban Quản lý dự án đầu tư - Hạ tầng xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất theo các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá.

- Ban Quản lý dự án đầu tư - Hạ tầng xã Phúc Sơn.
- Địa chỉ: Số 319, đường Thượng Lâm Trang, xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0975963009.

2. Tên tài sản, vị trí, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá.
 Tổng diện tích phân lô đấu giá là: 944,2m²; gồm 09 thửa đất như sau:

STT	Tên thửa đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Ghi chú
I	Khu Cổng Chùa Khoảnh 2:			
1	10	111,1	5.894.000	
II	Khu đồng Thanh Lan Rặng Gạo:			
1	02	113,7	5.894.000	
2	10	95,9		
III	Khu Đồng Rĩ - Bờ Vả, thôn Nội:			
1	13	113,9	7.071.000	
IV	Khu Dung Dưới, thôn Bột Xuyên:			
2	03	100,7	8.089.000	
4	05	102,8		
5	06	104		
V	Khu Gò Lá, thôn Phú Hữu:			
1	06	104,8	2.219.000	
2	07	97,3		
Tổng	9 thửa	944,2		

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Đảm bảo các tiêu chí tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024; và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15.

3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

3.2. Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

3.3. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

3.4. Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

3.5. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

4. Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0

1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	4,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	5,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	6,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
6.1	01 đấu giá viên	4,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
		4,0

7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
5.1	Trong năm 2025, đã tổ chức đấu giá thành công quyền sử dụng đất ở được nhà nước giao đất.	2,0
5.2	Trong năm 2025, đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trên địa bàn huyện Mỹ Đức cũ (trước khi sáp nhập) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.	3,0

5.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng được các tiêu chí sau: 5.3.1 Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đủ điều kiện đấu giá trực tuyến từ 05 năm trở lên (chứng minh bằng bản sao giấy phép do Sở Tư pháp cấp) và từng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở được nhà nước giao đất hoặc quyền sử dụng đất được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án tại các tỉnh phía Bắc trong 05 năm trước liền kề, bằng hình thức đấu giá trực tuyến (chứng minh bằng hợp đồng và biên bản đấu giá). 5.3.2 Tổng Giám đốc đồng thời là Luật sư trên 15 năm (có kinh nghiệm hành nghề đấu giá viên và làm việc ổn định liên tục tại Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên 10 năm). *Lưu ý: - Ưu tiên xét các đơn vị nộp hồ sơ đáp ứng đồng thời tất cả các tiêu chí từ 5.3.1 đến 5.3.2 của mục này.	3,0
Tổng số điểm		100

5. Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá (đóng thành quyển và nộp 01 bộ):

- Đơn xin tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (kèm theo bảng tự chấm điểm theo nội dung của bảng chấm điểm như trên).
 - Hồ sơ năng lực: Liệt kê đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc đấu giá, tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố, các thông tin khác phục vụ cho việc chấm điểm theo bảng chấm điểm tại mục 4 thông báo này.
 - Phương án tổ chức cuộc đấu giá quyền sử dụng đất;
 - Bản cam kết bảo mật thông tin người tham gia đấu giá;
 - Văn bản đề xuất khung thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản;
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.

6. Cách thức lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ thông tin trong hồ sơ đăng ký của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Ban Quản lý dự án đầu tư - Hạ tầng xã Phúc Sơn chấm điểm theo các tiêu chí tại mục 4 (4. Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản) của Thông báo này. Tổ chức nào có điểm cao nhất là tổ chức được lựa chọn. trường hợp có 02 tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì tổ chức nào có điểm cao hơn tại mục V của bảng chấm điểm thì tổ chức đó được lựa chọn.

7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký từ ngày 29/04/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 05/05/2026 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).
- Địa điểm nhận hồ sơ: Ban quản lý dự án đầu tư - Hạ tầng xã Phúc Sơn số 319, đường Thượng Lâm Trang, xã Phúc Sơn.
- Liên hệ đồng chí: Nguyễn Thị Hạnh.
- Số điện thoại: 0975.963.009.

Trên đây là thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 09 thửa đất có tổng diện tích 944,2m² tại xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội. Ban Quản lý dự án

đầu tư - Hạ tầng xã Phúc Sơn thông báo để các tổ chức hành nghề đầu giá tài sản được biết để đăng ký tham gia.

Thông báo được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Phúc Sơn và Cổng đầu giá tài sản quốc gia./.

Nơi nhận:

- TT ĐU-HĐND-UBND(để b/c);
- Các phòng: Kinh tế xã; Văn hoá - xã hội xã;
- Cổng thông tin điện tử của UBND xã (để đăng tin).
- Cổng đầu giá tài sản quốc gia;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Nhiệm